

PHIẾU ĐÁP ÁN

01. A	02. B	03. D	04. A	05. B	06. C	07. C	08. D	09. D	10. C
11. A	12. B	13. C	14. A	15. B	16. A	17. C	18. D	19. C	20. A
21. A	22. A	23. B	24. D	25. B	26. B	27. A	28. D	29. D	30. D
31. B	32. D	33. D	34. A	35. A	36. B	37. B	38. A	39. C	40. C
41. D	42. C	43. C	44. C	45. C	46. D	47. A	48. B	49. B	50. D
51. A	52. A	53. B	54. D	55. C	56. C	57. B	58. C	59. A	60. A
61. A	62. A	63. C	64. A	65. B	66. C	67. A	68. D	69. B	70. B
71. C	72. A	73. D	74. B	75. C	76. C	77. A	78. A	79. D	80. A
81. D	82. A	83. D	84. D	85. D					

PHẦN LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Chọn đáp án A

X là K (kim loại mạnh)

Y là O (Phi kim mạnh)

Do đó, liên kết trong K_2O là liên kết ion

Câu 2 : Chọn đáp án B

Các chất O_2 , O_3 , Cl_2 có liên kết CHT không phân cực.

Câu 3 : Chọn đáp án D

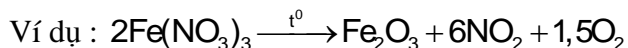
X có e ở mức năng lượng cao nhất ở $3p$ suy ra đó là $3p^3$ X: $3s^23p^3$ X là phi kim

Y : có cấu hình lớp ngoài: $3s^23p^1$: Y là kim loại

Câu 4 : Chọn đáp án A

Số chất có cả tính oxi hoá và tính khử là : $FeCl_2$, $FeCl_3$, $Fe(NO_3)_2$, $Fe(NO_3)_3$, $FeSO_4$

Chú ý : Với $FeCl_3$ thì Fe^{3+} có thể xuống các số oxi hóa thấp hơn như Fe^{2+} và Fe, còn Cl^- có thể lên Cl^0 . Với $Fe(NO_3)_3$ thì Fe^{3+} có thể xuống các số oxi hóa thấp hơn như Fe^{2+} và Fe. N^{+5} có thể xuống N^{+4} còn O^{2-} có thể lên O_2



Câu 5 : Chọn đáp án B

Chú ý : FeS, ZnS có khả năng tan trong các axit loãng như HCl, H_2SO_4

Với CuS, PbS, Ag_2S không tan trong các axit loãng như HCl, H_2SO_4

Câu 6 : Chọn đáp án C

Số chất trong dãy bị oxi hóa khi tác dụng với dung dịch HNO_3 đặc, nóng là:

FeO , $\text{Fe}(\text{OH})_2$, FeSO_4 , Fe_3O_4

Câu 7 : Chọn đáp án C

Dễ thấy X là K còn Y là Flo \rightarrow liên kết trong KF thuộc loại ion.

Câu 8 : Chọn đáp án D

Chú ý : Sự oxi hóa là quá trình nhường electron $\text{Fe} - 2e = \text{Fe}^{2+}$

Sự khử là quá trình nhận electron $\text{Cu}^{2+} + 2e = \text{Cu}$

Câu 9 : Chọn đáp án D

Câu 10 : Chọn đáp án C

Chú ý : X, Y, Z thuộc chu kì 3 . Khi điện tích hạt nhân tăng tính khử trong chu kì giảm. Nói cách khác tính phi kim tăng và tính kim loại giảm.

Câu 11 : Chọn đáp án A

Ta có : $4\text{S}^0 + 6\text{NaOH}_{(\text{đặc})} \xrightarrow{t^0} 2\text{Na}_2\text{S}^{-2} + \text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_3^{+2} + 3\text{H}_2\text{O}$

Câu 12 : Chọn đáp án B

Ta có : $5\text{Na}_2\text{SO}_3 + 2\text{KMnO}_4 + 6\text{NaHSO}_4 \rightarrow 8\text{Na}_2\text{SO}_4 + 2\text{MnSO}_4 + \text{K}_2\text{SO}_4 + 3\text{H}_2\text{O}$

Câu 13 : Chọn đáp án C

Ví các phân tử đều có nguyên tử H nên độ phân cực giảm khi độ âm điện của các nguyên tố giảm. Trong nhóm Halogen thì độ âm điện của $\text{F} > \text{Cl} > \text{Br} > \text{I}$

Câu 14 : Chọn đáp án A

Câu 15 : Chọn đáp án B

Chất khử là chất có số oxi hóa tăng.

Chất oxi hóa là chất có số oxi hóa giảm.

Câu 16 : Chọn đáp án A

Chất trong dãy mà phân tử chỉ chứa liên kết cộng hóa trị không cực là: N_2 , H_2

Chất trong dãy mà phân tử chỉ chứa liên kết cộng hóa trị phân cực là: HCl , H_2O , NH_3

Phân tử NaCl chứa liên kết ion.

Câu 17 : Chọn đáp án C

Câu này ta có thể làm nhanh bằng cách dùng bán phản ứng $\begin{cases} \text{Cl} + 1e = \text{Cl}^- \\ \text{Cl} - 5e = \text{Cl}^{+5} \end{cases}$

Nếu cân bằng phản ứng thì : $3\text{Cl}_2 + 6\text{KOH} \xrightarrow{t^0} 5\text{KCl} + \text{KClO}_3 + 3\text{H}_2\text{O}$

Câu 18 : Chọn đáp án D

Các phân tử và ion trong dãy vừa có tính oxi hóa, vừa có tính khử là

S , FeO , SO_2 , Fe^{2+} , HCl

Câu 19 : Chọn đáp án C

Cấu hình electron của X : $1s^2 2s^2 2p^2$

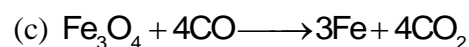
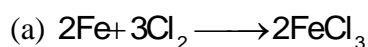
Câu 20 : Chọn đáp án A

Câu 21 : Chọn đáp án A

H^+ đóng vai trò là chất oxi hóa khi có H_2 bay lên : (a) và (b)

Câu 22 : Chọn đáp án A

Phản ứng có sự thay đổi số oxi hóa của các nguyên tố là phản ứng oxi hóa khử. Bao gồm:



Câu 23 : Chọn đáp án B

Ta có : $2Al + 6H_2SO_4 \rightarrow Al_2(SO_4)_3 + 3SO_2 + 6H_2O$

Câu 24 : Chọn đáp án D

Câu 25 : Chọn đáp án B

Câu 26 : Chọn đáp án B

Số electron của ion dương bằng số electron của ion âm và số electron của ion dương + ion âm = 20 nên mỗi ion có 10 electron. Mà trong Y chỉ có một mức oxi hóa duy nhất nên Y là Flo(F) và ion dương tương ứng là Na

Vì Cation R^+ có cấu hình electron $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6$ nên cấu hình electron của R là :

$1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^1$ (có 4 lớp e nên thuộc chu kì 4, có 1 e thuộc phân lớp s ngoài cùng nên thuộc nhóm IA). Để thấy R là K.

Câu 27 : Chọn đáp án A

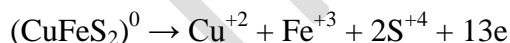
Chú ý : Phản ứng oxi hóa khử có nguyên tắc là chất oxi hóa mạnh phản ứng với chất khử mạnh sẽ cho chất oxi hóa và chất khử yếu hơn.

Từ (1) tính oxi hóa của $Ag^+ > Fe^{3+}$

Từ (2) tính oxi hóa của $H^+ > Mn^{2+}$

Câu 28 : Chọn đáp án D

Xét phân tử ($CuFeS_2$), các nguyên tố có số oxi hóa rất khác nhau nên để đơn giản ta xem toàn bộ phân tử ($CuFeS_2$) có số oxi hóa bằng 0.



Vậy trong phản ứng đốt cháy thì một phân tử ($CuFeS_2$) sẽ nhường 13e.

Câu 29 : Chọn đáp án D

Câu 30 : Chọn đáp án D

Đối với câu hỏi loại này, ta có thể làm bằng phương pháp loại trừ nhưng chỉ nên áp dụng nếu trong bài chỉ có 1 cặp oxi – kh hoặc câu hỏi có tính tuần tự, còn trong bài tập này, câu hỏi có tính chất liên hệ - bắc cầu thì ta nên làm theo kiểu liệt kê.

Phương trình 1 $\rightarrow Fe^{3+} < Br_2$, phương trình 2 $\rightarrow Br_2 < Cl_2 \rightarrow Fe^{3+} < Br_2 < Cl_2$

(chỉ xét riêng tính oxi, còn tính kh sẽ theo chiều ngược lại giống như dãy điện hóa)

Câu 31 : Chọn đáp án B

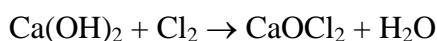
Có tính oxi hóa và tính khử \Leftrightarrow số oxi hóa trung gian : $\text{Cl}_2, \text{SO}_2, \text{Fe}^{2+}, \text{Mn}^{2+}$.

Trong câu hỏi này sẽ có nhiều bạn sẽ chọn nhầm phải đáp án A, do các hợp chất của Mn ít được chú ý trong chương trình, nhất là chương trình không phân ban.

Câu 32 : Chọn đáp án D

Dựa vào sự thay đổi số oxi hóa của các nguyên tố, có thay đổi số oxi \rightarrow là phản ứng oxi - kh.

Ở đây cần lưu ý, phản ứng sau vẫn có sự thay đổi số oxi hóa của Cl (tự oxi hóa - tự khử) :



Ở đây phải xét đến cấu tạo của CaOCl_2 thì mới thấy được điều này : $\text{Cl}^{(-1)}\text{-Ca-O-Cl}^{(+1)}$

Clorua vôi là một chất khá đặc biệt và dễ ấn tượng nên tôi nghĩ sẽ không có nhiều em bị sai câu này.

Chú ý : (e) $\text{O}_3 \rightarrow \text{O}_2 + \text{O}$ không phải phản ứng oxi hóa khử.

Câu 33 : Chọn đáp án D

Nguyên tử N ở chu kì 2

Nguyên tử Mg, Si ở chu kì 3

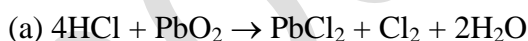
Nguyên tử K ở chu kì 4

Nguyên tử của các nguyên tố có số lớp e tăng thì bán kính nguyên tử tăng

Nguyên tử các nguyên tố trong cùng chu kì có Z càng tăng thì bán kính nguyên tử nhỏ

Câu 34 : Chọn đáp án A

HCl là chất khử khi: $2\text{Cl}^{-1} \longrightarrow \text{Cl}_2^0$



Câu 35 : Chọn đáp án A

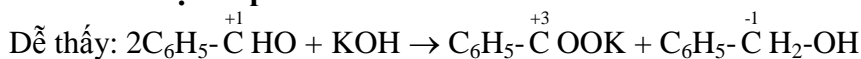
Câu 36 : Chọn đáp án B

Ta có : $\text{Cl}_2 (\Delta\chi = 0)$, CO_2 và C_2H_2 có lai hóa sp nên phân tử không phân cực

Câu 37 : Chọn đáp án B

$$\text{Ta có : } \begin{cases} 2p + n - 3 = 79 \\ (2p - 3) - n = 19 \end{cases} \rightarrow \begin{cases} p = 26 \\ n = 30 \end{cases} \text{ để thấy M là Fe}$$

Câu 38 : Chọn đáp án A



Câu 39 : Chọn đáp án C

Số trường hợp có xảy ra phản ứng oxi hoá - khử là : $\text{FeCl}_2, \text{FeSO}_4, \text{H}_2\text{S}, \text{HCl}$ đặc

Câu 40 : Chọn đáp án C

Chú ý : HI có tính khử còn Fe^{3+} có tính oxi hóa và không tồn tại hợp chất FeI_3 .

Câu 41 : Chọn đáp án D

$\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH=CH}_2 \rightarrow \text{C}_6\text{H}_5\text{-COOK}$ ta thấy nhóm -OOK có tổng điện tích âm = -3,

\rightarrow nhóm -H=CH_2 cũng có tổng điện tích âm = -3

$\text{C}_6\text{H}_5 - \text{C}^{-1}\text{H} = \text{C}^{-2}\text{H}_2 \rightarrow \text{C}_6\text{H}_5 - \text{C}^{+3}\text{OOK} + \text{K}_2\text{C}^{+4}\text{O}_3$

Vậy $\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH=CH}_2 - 10\text{e} \rightarrow \text{K}_2\text{CO}_3$ và $\text{KMnO}_4 + 3\text{e} \rightarrow \text{MnO}_2$

$\rightarrow 3\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH=CH}_2 + 10\text{KMnO}_4 \rightarrow 3\text{C}_6\text{H}_5\text{-COOK} + 3\text{K}_2\text{CO}_3 + 10\text{MnO}_2 + 1\text{KOH} + 4\text{H}_2\text{O}$

Câu 42 : Chọn đáp án C

Bao gồm các phản ứng (a) và (e)

2 phản ứng (a) và (e) H^+ bị khử tạo khí $\text{H}_2 \rightarrow$ vậy H^+ đóng vai trò là chất oxi trong 2 pứ đó.

Phản ứng (b) là pứ trao đổi; (c) MnO_2 là chất oxi, Cl^- là chất khử; (d) Cu là chất khử, SO_4^{2-} là chất oxi; (g) Fe^{2+} là chất khử, MnO_4^- là chất oxi, H^+ đóng vai trò là môi trường.

Câu 43 : Chọn đáp án C

Tất cả các tinh thể phân tử đều dễ nóng chảy và dễ bay hơi (nước đá, băng phiến,...)

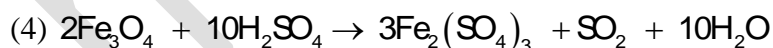
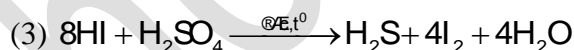
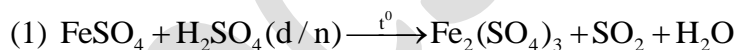
Câu 44 : Chọn đáp án C

Trong cùng một chu kì kim loại có bán kính nguyên tử lớn hơn vì phi kim có độ âm điện lớn hơn nên lực hút giữa lớp vỏ và nhân sẽ chặt chẽ hơn làm bán kính giảm.

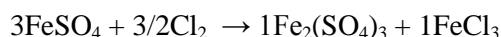
Câu 45 : Chọn đáp án C

Các chất lần lượt là FeSO_4 ; H_2S ; HI ; Fe_3O_4 .

Chú ý : H_2SO_4 đặc không thể oxi hóa được Na_2SO_3 lên Na_2SO_4 (HNO_3 thì được).



Câu 46 : Chọn đáp án D



Câu 47 : Chọn đáp án A

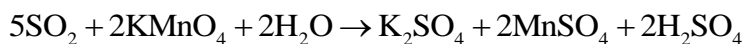
Câu 48 : Chọn đáp án B

Ta có : $3\text{FeO} + 10\text{HNO}_3 \rightarrow 3\text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{NO} + 5\text{H}_2\text{O}$.

Câu 49 : Chọn đáp án B

Câu 50 : Chọn đáp án D

Câu 51 : Chọn đáp án A



Câu 52 : Chọn đáp án A

- Xét hai chất X và Y thuộc chu kỳ 1, 2, 3 ta có hệ pt:

$$\begin{cases} Z_X + Z_Y = 51 \\ Z_Y - Z_X = 1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} Z_X = 25 (\text{Mn}) \\ Z_Y = 26 (\text{Fe}) \end{cases} \text{ loại vì Mn và Fe đều thuộc kim loại nhóm B}$$

- Xét hai chất thuộc các chu kỳ 4, 5 ta có hệ pt:

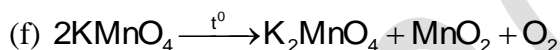
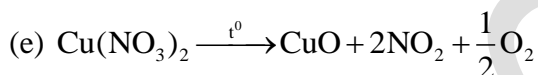
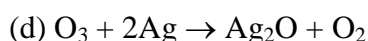
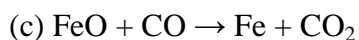
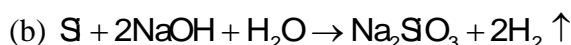
$$\begin{cases} Z_X + Z_Y = 51 \\ Z_Y - Z_X = 11 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} Z_X = 20 (\text{Ca}) \\ Z_Y = 31 (\text{Ga}) \end{cases}$$

Chọn A (vì Ca tác dụng với nước trước, vì vậy Ca không khử Cu^{2+} trong dung dịch được)

Câu 53 : Chọn đáp án B

Cấu hình của X^{2+} : $1s^2 2s^2 2p^6$ ($Z_{\text{X}^{2+}} = 10$) $\rightarrow Z_X = Z_{\text{X}^{2+}} + 2 = 10 + 2 = 12$

Câu 54 : Chọn đáp án D



Câu 55 : Chọn đáp án C

Na : $Z = 11 \rightarrow 1s^2 2s^2 3p^6 3p^1 \rightarrow \text{Na}^+ : 1s^2 2s^2 2p^6 \rightarrow \text{A, C}$ Thỏa mãn

Cl: $Z = 17 \rightarrow 1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^5$

$\rightarrow \text{Cl}^- : 1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 \rightarrow \text{Loại A, D}$

Câu 56 : Chọn đáp án C

Trong thi trắc nghiệm việc nhớ 30 nguyên tố đầu tiên của BTH sẽ giúp các bạn xử lý các bài toán về nguyên tử và BTH rất nhanh. Với bài toán trên bạn nào nhớ thì dễ thấy X là Clo và Y là Ca. Từ đó dễ dàng suy ra đáp án C ngay. Tuy nhiên, ta cũng có thể suy luận mẫu mực như sau :

Nhận thấy : ion X^- có cấu hình là $3s^2 3p^6 \rightarrow \text{X}$ có cấu hình đầy đủ $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^5$

$\rightarrow \text{X}$ thuộc chu kỳ 3 (do có 3 lớp) , X thuộc phân nhóm nhóm VII A (vì có 7 e lớp ngoài cùng) $\rightarrow \text{Loại A, B}$

Ion Y^+ có cấu hình là $3s^2 3p^6 \rightarrow \text{Y}$ có cấu hình đầy đủ $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 4s^2$

$\rightarrow \text{Y}$ thuộc chu kỳ 4 (do có 4 lớp) , Y thuộc phân nhóm nhóm IIA (vì có 2 e lớp ngoài cùng)

Câu 57 : Chọn đáp án B

Các bạn cần nhớ kỹ:

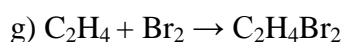
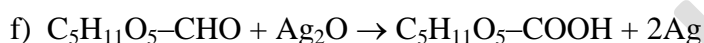
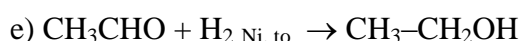
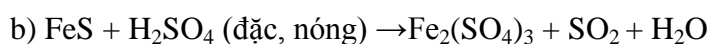
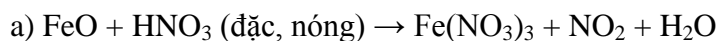
(1) Phản ứng oxi hóa – khử có thể hiểu nhanh là phản ứng có sự thay đổi số oxi hóa của 1 hoặc nhiều nguyên tố trong phương trình phản ứng.

(2) Nếu trong cùng 1 chất có các nguyên tố khác nhau thay đổi số oxi hóa thì người ta gọi là phản ứng oxi hóa nội phân tử. Ví dụ : $2\text{Fe}(\text{NO}_3)_2 \xrightarrow{t^0} \text{Fe}_2\text{O}_3 + 4\text{NO}_2 + 0,5\text{O}_2$

Nếu có 1 nguyên tố thay đổi số oxi hóa thì người ta gọi là phản ứng tự oxi hóa khử.

Ví dụ : $\text{Cl}_2 + 2\text{KOH} \xrightarrow{t^0 \text{ thương}} \text{KCl} + \text{KClO} + \text{H}_2\text{O}$

Với câu hỏi trên những phản **a** , **b** , **d** , **e** , **g** , **f** có sự thay đổi số oxi hóa, các phương trình phản ứng :



Câu 58 : Chọn đáp án C

Các hợp chất của Fe có số oxi hóa là : 0 , +2 , +8/3 (Số oxi hóa của Fe chưa cực đại)

Khi tác dụng với HNO_3 đặc nóng sẽ tạo ra $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{NO}_2 + \text{H}_2\text{O}$

\rightarrow các chất đó là : Fe , FeO , Fe(OH)₂ , Fe₃O₄ , Fe(NO₃)₂ , FeSO₄ , FeCO₃

Câu 59 : Chọn đáp án A

Các kim loại khi tác dụng với HNO_3 đặc nóng đều cho NO_2

Phương trình phản ứng : $\text{Cu} + 4\text{HNO}_3 \rightarrow \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + 2\text{NO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$

Câu 60 : Chọn đáp án A

HCl thể hiện tính oxi hóa khi có khí H_2 bay ra và thể hiện tính khử khi có Cl_2 bay ra. Vậy

(2) $2\text{HCl} + \text{Fe} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2$. (4) $6\text{HCl} + 2\text{Al} \rightarrow 2\text{AlCl}_3 + 3\text{H}_2$. Thỏa mãn

Câu 61 : Chọn đáp án A

Các bạn cần nhớ :

Liên kết ion thường được hình thành từ kim loại – phi kim , gốc NH_4^+ với các gốc axit

Liên kết cộng hóa trị hình thành từ hai phi kim .

Phụ thuộc vào hiệu độ âm điện mà người ta phân thành các liên kết sau :

Hiệu độ âm điện < 1,7 \rightarrow liên kết cộng hóa trị

Hiệu độ âm điện \geq 1,7 \rightarrow liên kết ion

Liên kết trong NH_3 , HCl , H_2O là liên kết cộng hóa trị.

NH_4Cl là liên kết ion do ion NH_4^+ và Cl^- tạo thành .

Câu 62 : Chọn đáp án A

Chú ý : Khi so sánh bán kính nguyên tử thì ta so sánh chu kỳ (số lớp e) trước. Nguyên tử của nguyên tố nào có số lớp nhiều nhất sẽ lớn nhất. Sau đó ta xét tới các nguyên tử của các nguyên tố cùng chu kỳ thì nguyên tử nào có càng nhiều e thì bán kính càng nhỏ do lực hút giữa lớp vỏ và hạt nhân lớn.

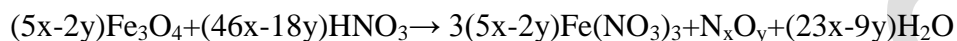
Câu 63 : Chọn đáp án C

Chú ý : $\text{Cu}_2\text{S} + 2\text{Cu}_2\text{O} \rightarrow 5\text{Cu} + \text{SO}_2$

Vậy : $\text{CuFeS}_2 \xrightarrow{\text{O}_2, t^0} \text{Cu}_2\text{S} \xrightarrow{\text{O}_2, t^0} \text{CuO} \xrightarrow{\text{X}} \text{Cu}$

Câu 64 : Chọn đáp án A

Câu này vào phòng thi ta cũng có thể dùng phương pháp thử cho đỡ phức tạp thay vì phải cần bằng với N_xO_y các bạn có thể thay bằng NO_2 khi đó $x=1$ và $y=2$



Câu 65 : Chọn đáp án B

$\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7 \rightarrow 3\text{Cl}_2$; $\text{KMnO}_4 \rightarrow 2,5\text{Cl}_2$; $\text{CaOCl}_2 \rightarrow \text{Cl}_2$; $\text{MnO}_2 \rightarrow \text{Cl}_2$

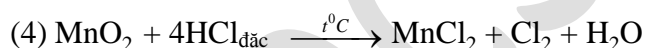
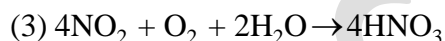
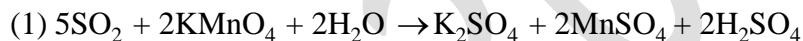
Câu 66 : Chọn đáp án C

Chất thoả mãn S, FeO, SO_2 , N_2 , HCl

Câu 67 : Chọn đáp án A

Cấu hình của X là : $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^6 3d^6 4s^2$ chu kỳ 4, nhóm VIIIB

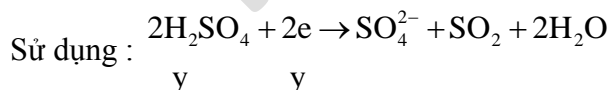
Câu 68 : Chọn đáp án D



Câu 69 : Chọn đáp án B

Câu 70 : Chọn đáp án B

Dung dịch sau phản ứng chỉ có muối (axit hết) nên xảy ra phản ứng sau

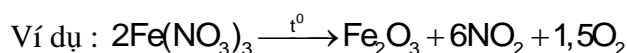


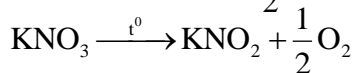
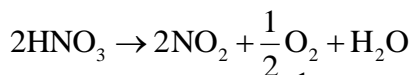
Câu 71 : Chọn đáp án C

Câu 72 : Chọn đáp án A

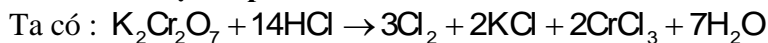
Tất cả các chất đều có tính oxi hóa và khử.

Chú ý : Với $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$, HNO_3 , KNO_3 thì N^{+5} có thể xuống còn O^{-2} có thể lên.





Câu 73 : Chọn đáp án D



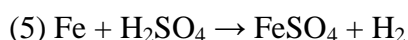
Chú ý : Trong 14 phân tử HCl tham gia phản ứng thì có 6 phân tử là chất khử, còn lại 8 phân tử đóng vai trò là môi trường.

Câu 74 : Chọn đáp án B

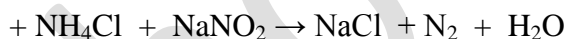
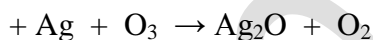
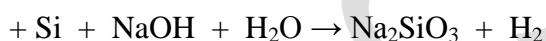
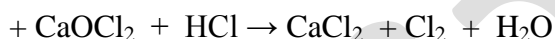
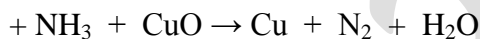
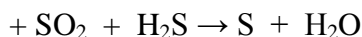
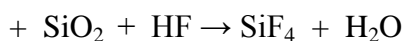
Các chất vừa có tính oxi hóa và khử là : Cl_2 ; SO_2 ; NO_2 ; C; Fe^{2+} .

Câu 75 : Chọn đáp án C

Thí nghiệm thứ (1) và (3) tạo ra Fe^{3+} ; các thí nghiệm còn lại tạo ra Fe^{2+} .

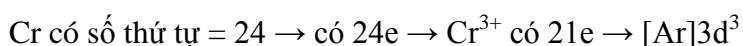


Câu 76 : Chọn đáp án C



→ Có 6 thí nghiệm tạo ra đơn chất.

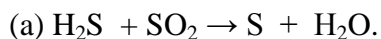
Câu 77 : Chọn đáp án A

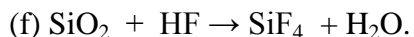
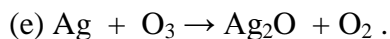
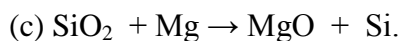


Chú ý : (Ar có 18e)

Câu 78 : Chọn đáp án A

Các thí nghiệm tạo ra đơn chất là : (a), (b), (c), (e)





Câu 79 : Chọn đáp án D

+ R trong hợp chất khí với H có dạng : RH_n

+ R trong hợp chất khí với O có dạng : R_2O_{8-n}

Dựa vào tỉ lệ 11:4 \rightarrow ta tìm được $\text{R} + n = 16 \rightarrow \text{R} = 12, n = 4 \rightarrow \text{R}$ là C.

A sai : do ở điều kiện thường CO_2 ở thể khí.

B sai : do C ở ô thứ 6 nên chỉ có 4 electron s.

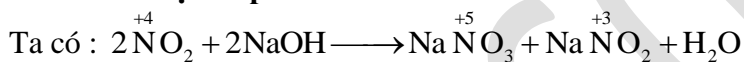
C sai : C thuộc chu kì 2.

D đúng : CO_2 không phân cực do sự khác biệt độ âm điện không nhiều.

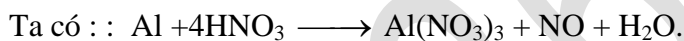
Câu 80 : Chọn đáp án A

Câu 81 : Chọn đáp án D

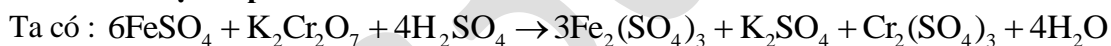
Câu 82 : Chọn đáp án A



Câu 83 : Chọn đáp án D



Câu 84 : Chọn đáp án D



Câu 85 : Chọn đáp án D